

ACCREDITATION OF EDUCATIONAL PROGRAMS ACCORDING TO FIBAA STANDARDS: PRACTICES IN VIETNAM

Pham Nguyen Phuc Toan

Email: toanpnp@uit.edu.vn

University of Information Technology - Vietnam
National University, Ho Chi Minh City
Quarter 34, Linh Xuan ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 18/6/2025

Revised: 04/7/2025

Accepted: 18/8/2025

Published: 20/10/2025

Abstract: This paper examines the implementation of program quality accreditation based on the standards of the Foundation for International Business Administration Accreditation (FIBAA), within the broader context of Vietnam's higher education amid increasing international integration. The study aims to elucidate the theoretical underpinnings, current practices, and key challenges in applying FIBAA standards at Vietnamese higher education institutions, and to propose strategies for more effective implementation. A qualitative methodology was adopted, combining document analysis with case studies at leading universities, including the University of Economics Ho Chi Minh City, Ton Duc Thang University, the National Economics University, and VinUni. The findings highlight that FIBAA accreditation yields substantial benefits, such as enhancing academic reputation, aligning curricula with international standards, and fostering global collaboration. Nonetheless, several obstacles persist, including high costs, limited English proficiency, inadequate human resources, and the absence of supportive policy frameworks. The study offers both theoretical and practical implications for educational administrators, university leaders, and policymakers in Vietnam, thereby supporting efforts to broaden the adoption of international accreditation and advance the quality of higher education in a globally aligned and sustainable manner.

Keywords: FIBAA, quality accreditation, academic programs, higher education, internationalization, quality assurance.

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN FIBAA: THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM

Phạm Nguyễn Phúc Toàn

Email: toanpnp@uit.edu.vn

Trường Đại học Công nghệ Thông tin -
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Khu phố 34, phường Linh Xuân,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 18/6/2025

Chỉnh sửa xong: 04/7/2025

Chấp nhận đăng: 18/8/2025

Xuất bản: 20/10/2025

Tóm tắt: Bài viết phân tích quá trình triển khai kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Tổ chức Kiểm định Quản trị Kinh doanh Quốc tế (FIBAA) trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Mục tiêu của nghiên cứu là làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và các thách thức trong việc áp dụng tiêu chuẩn FIBAA tại các cơ sở giáo dục đại học, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai trong tương lai. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu kết hợp với nghiên cứu trường hợp tại một số trường đại học tiêu biểu như: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Đại học VinUni. Kết quả cho thấy, kiểm định FIBAA mang lại nhiều lợi ích như nâng cao uy tín học thuật, chuẩn hóa chương trình đào tạo và tăng cường liên kết quốc tế. Tuy nhiên, quá trình triển khai còn đối mặt với nhiều rào cản như chi phí cao, rào cản ngôn ngữ, hạn chế về nhân sự chuyên môn và thiếu cơ chế hỗ trợ đồng bộ. Nghiên cứu đóng góp cơ sở thực tiễn và lý luận cho các nhà quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo và các cơ quan hoạch định chính sách trong việc mở rộng kiểm định quốc tế tại Việt Nam.

Từ khóa: FIBAA, kiểm định chất lượng, chương trình đào tạo, giáo dục đại học, quốc tế hóa, đảm bảo chất lượng.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp thiết về nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động khu vực và toàn cầu. Một trong những giải pháp quan trọng được nhiều quốc gia lựa chọn để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo chính là triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo các bộ tiêu chuẩn quốc tế, không chỉ để minh bạch hóa quá trình đào tạo mà còn khẳng định vị thế của các cơ sở giáo dục trên bản đồ học thuật toàn cầu.

Kiểm định chất lượng giáo dục, xét về bản chất, là một quá trình đánh giá có hệ thống nhằm xác định mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo hoặc cơ sở giáo dục đối với các tiêu chuẩn đã được công nhận, qua đó thúc đẩy cải tiến liên tục (Harvey và Green, 1993). Trên thế giới, hiện có nhiều tổ chức kiểm định quốc tế uy tín như FIBAA (Đức), AACSB (Hoa Kỳ), EQUIS (Châu Âu), hay AUN-QA (khu vực Đông Nam Á). Mỗi tổ chức đều có đặc điểm riêng về phạm vi áp dụng, cấu trúc tiêu chuẩn và mức độ công nhận quốc tế. Trong đó, FIBAA (Foundation for International Business Administration Accreditation) nổi bật với hệ thống tiêu chuẩn linh hoạt, hướng đến kiểm định các chương trình đào tạo thuộc khối Kinh tế, Luật, Khoa học xã hội và quản trị, phù hợp với định hướng phát triển của nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

FIBAA thành lập vào năm 1994 tại Đức và là thành viên đầy đủ của ENQA (European Association for Quality Assurance in Higher Education), đồng thời được ghi danh trong EQAR (European Quality Assurance Register for Higher Education). Tiêu chuẩn kiểm định chương trình của FIBAA dựa trên các nguyên tắc của ESG (European Standards and Guidelines), có khả năng áp dụng cho nhiều bối cảnh quốc gia khác nhau nhưng vẫn bảo đảm tính thống nhất với khung tham chiếu chất lượng của Châu Âu. Khác với các tổ chức như AACSB (chỉ chuyên ngành kinh doanh) hay ABET (chỉ áp dụng cho khối kỹ thuật), FIBAA tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các trường ngoài khối STEM tiếp cận kiểm định quốc tế.

Tại Việt Nam, từ khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận chính thức vào năm 2021 (Quyết định số 1940/QĐ-BGDĐT), FIBAA đã trở thành lựa chọn ưu tiên của nhiều trường đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế quốc tế. Tính đến đầu năm 2025, cả nước có hơn 11 cơ sở giáo dục đại học và hàng trăm chương trình đào tạo đã được kiểm định thành công theo tiêu chuẩn FIBAA, tiêu biểu như:

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ bối cảnh nêu trên, câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn FIBAA tại Việt Nam đã và đang triển khai như thế nào? Những cơ hội, thách thức và kinh nghiệm thực tiễn ra sao?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các kỹ thuật thu thập, phân loại, phân tích, đối chiếu và tổng hợp các tài liệu thứ cấp liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo tiêu chuẩn quốc tế, trong đó tập trung vào tiêu chuẩn của tổ chức FIBAA. Các nguồn tư liệu bao gồm: hệ thống tiêu chuẩn FIBAA, văn bản pháp lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, các nghiên cứu học thuật trong và ngoài nước. Mục tiêu của phương pháp này là xây dựng cơ sở lý luận và khung đánh giá phù hợp cho việc phân tích thực tiễn triển khai tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp: Tập trung phân tích các trường hợp cụ thể tại một số cơ sở giáo dục đại học tiêu biểu đã triển khai thành công kiểm định FIBAA, bao gồm: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học VinUni. Dữ liệu thu thập từ các báo cáo công khai, tài liệu nội bộ, thông tin từ hội thảo chuyên đề và phỏng vấn học thuật không chính thức với cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng.

2.2. Phương pháp phân tích - tổng hợp

Dữ liệu thu thập được tiến hành phân tích định tính theo hướng quy nạp, kết hợp giữa khung lý thuyết và thực tiễn triển khai tại các trường. Các thông tin được tổng hợp, hệ thống hóa nhằm xác định điểm tương đồng, khác biệt và khoảng cách giữa yêu cầu của bộ tiêu chuẩn FIBAA với thực tiễn giáo dục đại học tại Việt Nam. Từ đó, đề xuất những kiến nghị có tính thực tiễn.

2.3. Phương pháp chuyên gia

Tham khảo ý kiến của một số chuyên gia đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định quốc tế để đối chiếu kết quả nghiên cứu và đánh giá độ phù hợp của các giải pháp đề xuất. Các trao đổi được thực hiện dưới hình thức phi chính thức thông qua hội thảo chuyên đề, mạng lưới chuyên môn và trao đổi học thuật.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tổng quan về tiêu chuẩn kiểm định FIBAA

3.1.1. Một số khái niệm liên quan

Để hiểu rõ hơn về cơ sở lý luận của việc kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn FIBAA, trước tiên cần làm rõ một số khái niệm cơ bản thường được sử dụng trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm: chất lượng giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục và đánh giá chất lượng giáo dục.

Chất lượng giáo dục: Được định nghĩa là mức độ đáp ứng các mục tiêu đào tạo đã đề ra, đồng thời phù hợp với nhu cầu của người học, xã hội và thị trường lao động. Theo Harvey và Green (1993), chất lượng giáo dục đại học được tiếp cận theo năm khía cạnh: 1) Chất lượng là sự vượt trội (Excellence), 2) Chất lượng là sự hoàn hảo (Perfection or consistency), 3) Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu (Fitness for purpose), 4) Chất lượng là giá trị tương xứng với chi phí (Value for money), 5) Chất lượng là sự chuyển đổi (Transformative) của người học thông qua trải nghiệm học tập. Quan điểm này nhấn mạnh sự đa chiều của chất lượng, cho thấy kiểm định không chỉ là sự đánh giá kỹ thuật mà còn phản ánh giá trị và triết lý giáo dục của từng quốc gia hay tổ chức giáo dục (Harvey và Green, 1993).

Đảm bảo chất lượng giáo dục: Là tập hợp các chính sách, quy trình, hành động và thái độ được tổ chức giáo dục hoặc cơ quan quản lý sử dụng để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Theo Woodhouse (1999), đảm bảo chất lượng không chỉ là giám sát đầu ra mà là một quá trình toàn diện bao gồm việc lên kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm đạt được các mục tiêu chất lượng đã đề ra. Ở Việt Nam, khái niệm này được cụ thể hóa trong Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018, trong đó quy định rõ việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong là trách nhiệm bắt buộc của các cơ sở giáo dục đại học (Quốc hội, 2018).

Kiểm định chất lượng giáo dục: Là một hình thức đánh giá bên ngoài, do tổ chức kiểm định độc lập thực hiện, nhằm xác định mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo hoặc cơ sở giáo dục đối với các tiêu chuẩn đã được công nhận. Theo Chasokela và Manokore (2025), kiểm định là một quá trình có tính pháp lý, mang lại hiệu lực công nhận chính thức về chất lượng và năng lực tổ chức giáo dục hoặc chương trình đào tạo. Kiểm định thường bao gồm hai bước: tự đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài bởi các chuyên gia độc lập. Tại Việt Nam, hoạt động này được quy

định bởi Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017) đối với cấp cơ sở giáo dục và Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) đối với chương trình đào tạo.

Đánh giá chất lượng giáo dục: Là hoạt động thu thập, phân tích và diễn giải thông tin để xác định mức độ đạt được các mục tiêu chất lượng. Khác với kiểm định - vốn mang tính quyết định đạt hay không đạt tiêu chuẩn - đánh giá chất lượng mang tính mô tả, phản hồi, hướng tới cải tiến liên tục. Trong nhiều mô hình quốc tế, đánh giá chất lượng là thành phần không thể thiếu của chu trình đảm bảo chất lượng nội bộ (Nguyen, 2017).

3.1.2. Giới thiệu về tổ chức FIBAA

FIBAA (Foundation for International Business Administration Accreditation) là một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế, được thành lập vào năm 1994 tại Bonn (Cộng hòa Liên Bang Đức) với mục tiêu kiểm định và đảm bảo chất lượng cho các chương trình đào tạo trong lĩnh vực Kinh doanh, Kinh tế, Quản trị, Luật, Khoa học xã hội và nhân văn. FIBAA là một tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động độc lập và là thành viên đầy đủ của Mạng lưới các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học Châu Âu - ENQA (European Association for Quality Assurance in Higher Education). Đồng thời, FIBAA được liệt kê chính thức trong EQAR (European Quality Assurance Register for Higher Education), cơ sở dữ liệu các tổ chức kiểm định được công nhận tại Châu Âu.

FIBAA hoạt động trên phạm vi toàn cầu, không giới hạn ở Châu Âu và đã thực hiện kiểm định cho hàng trăm chương trình tại Đức, Thụy Sĩ, Áo, Hà Lan, Trung Quốc, Indonesia, Kazakhstan, Ukraine và Việt Nam. Ngoài kiểm định chương trình đào tạo, FIBAA còn cung cấp các dịch vụ đánh giá năng lực cơ sở đào tạo, đánh giá hệ thống quản trị chất lượng nội bộ và hỗ trợ cải tiến theo chuẩn Bologna Process - tiến trình xây dựng không gian giáo dục đại học chung Châu Âu (Nguyen và Shah, 2019).

Tại Việt Nam, FIBAA được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là một tổ chức kiểm định chất lượng nước ngoài đủ điều kiện hoạt động tại Việt Nam theo Quyết định số 1940/QĐ-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Việc công nhận này đánh dấu một cột mốc đáng chú ý trong lộ trình thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học trong nước tiếp cận các chuẩn mực chất lượng quốc tế và nâng cao vị thế trong khu vực.

FIBAA không chỉ kiểm định theo các tiêu chuẩn Châu Âu mà còn cung cấp hướng dẫn cụ thể để các

cơ sở giáo dục nội địa hóa, điều chỉnh chương trình phù hợp với bối cảnh của từng quốc gia nhưng vẫn giữ nguyên khung đánh giá chất lượng theo ESG (Standards and Guidelines for Quality Assurance in the European Higher Education Area). Điểm khác biệt lớn của FIBAA so với nhiều tổ chức kiểm định khác là sự nhấn mạnh vào tính quốc tế hóa, liên kết thực tiễn nghề nghiệp và phát triển kỹ năng mềm, thay vì chỉ chú trọng nội dung học thuật thuần túy (FIBAA, 2025b; Nguyen & Shah, 2019).

3.1.3. Cấu trúc bộ tiêu chuẩn FIBAA

FIBAA là một trong những tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học có phạm vi hoạt động quốc tế, được công nhận rộng rãi tại Châu Âu và một số quốc gia ngoài khu vực. Các lĩnh vực chuyên môn mà FIBAA đảm nhận kiểm định trải dài trên nhiều

nhóm ngành, không chỉ giới hạn trong khối Kinh tế - quản trị như giai đoạn đầu, mà còn mở rộng sang Luật, Công nghệ thông tin, Giáo dục, Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Nhân văn và các lĩnh vực liên ngành khác. Vì vậy, bộ tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo của FIBAA được thiết kế theo hướng linh hoạt, toàn diện và có khả năng áp dụng cho nhiều loại hình và bậc đào tạo khác nhau.

Cấu trúc tiêu chuẩn được xây dựng trên nền tảng của Bộ tiêu chuẩn và hướng dẫn đảm bảo chất lượng giáo dục đại học Châu Âu - ESG (ENQA, 2015), đảm bảo tính tương thích với không gian giáo dục đại học Châu Âu (EHEA) và khả năng công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia. Theo FIBAA (2025a, 2025b), bộ tiêu chuẩn này gồm 5 nhóm tiêu chí lớn, được cụ thể hóa thành 54 tiêu chí thành phần, phản ánh toàn bộ

Bảng 1: Cấu trúc nhóm tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn FIBAA

Nhóm tiêu chí	Trọng tâm đánh giá	Số lượng tiêu chí	Tiêu chí thành phần
1. Mục tiêu và chiến lược của chương trình đào tạo	Mục tiêu chương trình, định hướng học thuật/nghề nghiệp, liên kết chiến lược	7	1.1. Tính phù hợp với sứ mệnh trường. 1.2. Mục tiêu đào tạo rõ ràng. 1.3. Định hướng nghề nghiệp. 1.4. Khả năng áp dụng thực tế. 1.5. Phù hợp với cấp độ học thuật. 1.6. Kết nối với chiến lược phát triển. 1.7. Định hướng năng lực đầu ra.
2. Tuyển sinh và tính khả thi của chương trình đào tạo	Tiêu chí đầu vào, đa dạng sinh viên, hỗ trợ học tập và tính thực tế của chương trình	8	2.1. Tiêu chí tuyển sinh rõ ràng. 2.2. Nhận diện văn bằng tương đương. 2.3. Hỗ trợ học thuật. 2.4. Phân bố khối lượng học tập. 2.5. Khả năng hoàn thành chương trình đúng hạn. 2.6. Học phí hợp lý. 2.7. Chính sách hỗ trợ sinh viên. 2.8. Tính đa dạng và tiếp cận.
3. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo	Thiết kế chương trình, chuẩn đầu ra, hài hòa lý thuyết - thực tiễn	18	3.1. Cấu trúc theo mô đun. 3.2. Tính liên thông học phần. 3.3. ECTS minh bạch. 3.4. Nội dung mang tính học thuật. 3.5. Lồng ghép thực hành. 3.6. Kỹ năng mềm. 3.7. Kết nối với nghiên cứu. 3.8. Hội nhập quốc tế. 3.9. Đề tài tốt nghiệp. 3.10. Nội dung liên ngành. 3.11. Phản ánh đa văn hóa. 3.12. Tích hợp công nghệ số. 3.13. Chuẩn hóa kết quả đầu ra. 3.14. Tính đổi mới nội dung. 3.15. Phản ánh bối cảnh xã hội. 3.16. Năng lực tự học và sáng tạo. 3.17. Đạo đức và trách nhiệm xã hội. 3.18. Tích hợp ngôn ngữ nước ngoài.

Nhóm tiêu chí	Trọng tâm đánh giá	Số lượng tiêu chí	Tiêu chí thành phần
4. Môi trường học thuật và điều kiện hỗ trợ của cơ sở giáo dục	Nhân lực, cơ sở vật chất, dịch vụ học tập và hỗ trợ người học	10	4.1. Đội ngũ giảng viên có trình độ. 4.2. Kinh nghiệm thực tiễn. 4.3. Cân bằng lý thuyết – thực hành. 4.4. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên. 4.5. Phát triển giảng viên. 4.6. Cơ sở vật chất hiện đại. 4.7. Phòng học chuyên ngành. 4.8. Thư viện và tài liệu. 4.9. Dịch vụ hành chính học vụ. 4.10. Cố vấn học tập và nghề nghiệp.
5. Đảm bảo chất lượng và kết quả đầu ra của chương trình đào tạo	Cơ chế kiểm định nội bộ, khảo sát đầu ra, phản hồi thị trường	11	5.1. Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ. 5.2. Đánh giá sinh viên định kì. 5.3. Phản hồi từ sinh viên và giảng viên. 5.4. Sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến. 5.5. Phản hồi từ doanh nghiệp. 5.6. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. 5.7. Việc làm sau tốt nghiệp. 5.8. Tự đánh giá định kì. 5.9. Cơ chế giám sát bên ngoài. 5.10. Công khai kết quả đảm bảo chất lượng. 5.11. Thống kê và phân tích dữ liệu đầu ra.

(Nguồn: FIBAA, 2025a, 2025b)

Bảng 2: Các mức độ đánh giá tiêu chí của FIBAA

Mức độ đánh giá	Giải thích học thuật
Exceptional (Xuất sắc)	Thực hành vượt trội, có giá trị tham khảo, mang tính dẫn đầu.
Exceeds quality requirements (Vượt yêu cầu chất lượng)	Có điểm mạnh nổi bật vượt chuẩn, thể hiện cải tiến sáng tạo.
Meets quality requirements (Đạt yêu cầu chất lượng)	Đáp ứng đầy đủ, phù hợp với tiêu chuẩn đặt ra.
Does not meet quality requirements (Không đạt yêu cầu)	Không đáp ứng tiêu chí, cần cải thiện rõ rệt.
Not relevant (Không liên quan)	Không áp dụng cho chương trình cụ thể do đặc thù ngành hoặc bậc đào tạo.

(Nguồn: FIBAA, 2025a)

vòng đời một chương trình đào tạo từ mục tiêu, thiết kế nội dung, quá trình triển khai, đánh giá kết quả, đến hoạt động cải tiến chất lượng, trong đó có 29 tiêu chí quan trọng (xem Bảng 1).

Bên cạnh cấu trúc nhóm tiêu chí, điểm nổi bật của hệ thống đánh giá FIBAA là việc phân loại mức độ đạt chuẩn theo 5 cấp độ rõ ràng, từ “Không đạt yêu cầu” đến “Xuất sắc”, giúp nhận diện mức độ chất lượng thực tiễn của từng khía cạnh chương trình (FIBAA, 2025a). Các mức đánh giá này không chỉ nhằm xác định khả năng công nhận mà còn thúc đẩy cải tiến liên tục (xem Bảng 2).

Việc phân định mức độ như trên cho phép đánh giá mang tính định tính sâu sắc hơn, thay vì chỉ kiểm định một chiều “đạt” hay “không đạt”. Nhờ đó, FIBAA có khả năng cung cấp các phản hồi giàu thông tin, giúp các cơ sở đào tạo xác định rõ đâu là thế mạnh cần phát huy và đâu là điểm yếu cần khắc phục. Đặc biệt, những chương trình có tỷ lệ tiêu chí đạt mức “Exceptional” và “Exceeds quality requirements” cao có thể được xem xét cấp chứng nhận chất lượng cao - FIBAA Premium Seal, vốn là minh chứng cho mức độ hội nhập và ưu tú trong đào tạo đại học theo chuẩn Châu Âu.

3.1.4. Những đặc điểm nổi bật của phương pháp kiểm định FIBAA

Phương pháp kiểm định chương trình đào tạo của FIBAA thể hiện rõ đặc trưng học thuật mang tính quốc tế và phát triển. Một trong những đặc điểm đáng chú ý là phạm vi áp dụng rộng, không giới hạn trong lĩnh vực Kinh tế - quản trị như trước đây mà đã mở rộng sang các ngành: Luật, Công nghệ thông tin, Giáo dục, Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Nhân văn và các lĩnh vực liên ngành. Điều này cho thấy mức độ linh hoạt cao của hệ thống tiêu chuẩn, cũng như khả năng thích ứng với nhiều bối cảnh đào tạo khác nhau (FIBAA).

Một trong những điểm nổi bật của phương pháp kiểm định FIBAA là cách tiếp cận dựa trên kết quả đầu ra (Outcome-based approach), kết hợp với định hướng cải tiến liên tục (Continuous improvement). Bộ tiêu chuẩn không áp đặt một khuôn mẫu cứng nhắc, mà cho phép các cơ sở đào tạo tự thiết kế chương trình phù hợp với đặc thù và mục tiêu của mình, miễn là chứng minh được sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra và nội dung, phương pháp, đánh giá và môi trường đào tạo. Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí được đánh giá theo năm mức độ, từ “Không đạt yêu cầu” đến “Xuất sắc”, qua đó khuyến khích các cơ sở giáo dục không ngừng nâng cao chất lượng nhằm đạt tới các cấp độ cao hơn như “Vượt yêu cầu” hoặc “Xuất sắc”.

Phương pháp kiểm định của FIBAA đặc biệt nhấn mạnh yếu tố đánh giá đồng cấp (Peer review). Hội đồng đánh giá được cấu thành từ các chuyên gia học thuật, đại diện doanh nghiệp và sinh viên, cho phép thu thập được nhiều góc nhìn khác nhau trong đánh giá. Quy trình đánh giá bao gồm đọc báo cáo tự đánh giá, phỏng vấn tại chỗ (On-site visit), phản biện tập thể trước khi ban hành quyết định cuối cùng (FIBAA, 2021). Điều này giúp đảm bảo tính công bằng, khách

quan và sát thực tế trong việc đánh giá chất lượng chương trình.

Bên cạnh đó, một đặc điểm khác cần nhấn mạnh là tính phát triển (Developmental nature) trong báo cáo kiểm định của FIBAA. Thay vì chỉ nêu kết quả “Đạt” hay “Không đạt”, FIBAA cung cấp các khuyến nghị cụ thể nhằm hỗ trợ các trường cải tiến và phát triển phù hợp với chiến lược dài hạn của mình (FIBAA). Báo cáo kiểm định theo đó trở thành một công cụ học thuật và quản trị chất lượng hiệu quả.

Cuối cùng, phương pháp kiểm định FIBAA thể hiện rõ tính quốc tế hóa trong toàn bộ quy trình đánh giá. Các chương trình được khuyến khích tích hợp tín chỉ ECTS, cấp phụ lục văn bằng theo chuẩn Diploma Supplement và cung cấp thông tin chương trình bằng tiếng Anh. Những yếu tố này không chỉ giúp tăng khả năng chuyển đổi và công nhận lẫn nhau giữa các hệ thống giáo dục mà còn góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín quốc tế cho các cơ sở đào tạo (Manarbek và cộng sự, 2018).

Tóm lại, phương pháp kiểm định FIBAA là sự kết hợp giữa chuẩn mực quốc tế, linh hoạt thực tiễn và định hướng cải tiến, qua đó trở thành công cụ hiệu quả để nâng cao chất lượng và khẳng định vị thế của giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

3.2. Thực tiễn triển khai kiểm định theo bộ tiêu chuẩn FIBAA tại Việt Nam

3.2.1. Thực trạng triển khai kiểm định theo bộ tiêu chuẩn FIBAA tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam ngày càng chú trọng nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế, việc kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế đã trở thành xu hướng nổi bật và FIBAA đã dần khẳng định được vị trí trong hệ thống kiểm định giáo dục đại học tại Việt Nam (xem Bảng 3).

Bảng 3: Các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đạt kiểm định FIBAA (tính đến đầu năm 2025)

STT	Tên cơ sở giáo dục đại học	Cấp độ kiểm định	Số chương trình đạt kiểm định FIBAA	Ghi chú
1	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo	15 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị, Khoa học xã hội, Kỹ thuật,... - Kiểm định vào các năm 2021, 2023, 2024.
2	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo	19 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị,... - Kiểm định vào các năm 2017, 2022, 2023, 2024.

STT	Tên cơ sở giáo dục đại học	Cấp độ kiểm định	Số chương trình đạt kiểm định FIBAA	Ghi chú
3	Đại học Kinh tế Quốc dân	Cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo	15 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị,... - Kiểm định vào năm 2024.
4	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo	16 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị, Luật, Giáo dục,... - Kiểm định vào các năm 2021, 2022, 2024.
5	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo	6 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Khoa học xã hội, Ngôn ngữ, Giáo dục,... - Kiểm định vào các năm 2023, 2024.
6	Trường Đại học Văn Lang	Cơ sở giáo dục		Trường đại học tư thục đầu tiên tại Việt Nam đạt kiểm định cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn FIBAA.
7	Trường Đại học Trà Vinh	Chương trình đào tạo	11 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị, Khoa học xã hội, Giáo dục,... - Kiểm định vào các năm 2022, 2024.
8	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo	2 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Ngôn ngữ,... - Kiểm định vào năm 2024.
9	Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo	2 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị,... - Kiểm định vào các năm 2022, 2024.
10	Trường Đại học Kinh tế - Luật - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo	3 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Luật,... - Kiểm định vào năm 2025.
11	Trường Đại học VinUni	Cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo	18 chương trình	- Các chương trình các thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị, Y tế, Khoa học sức khỏe, Kỹ thuật,... - Kiểm định vào các năm 2023, 2024, 2025. - Trường đại học đầu tiên tại Việt Nam xuất sắc đạt 100% tiêu chí kiểm định định FIBAA chỉ sau 05 năm hoạt động.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Đến đầu năm 2025, kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn FIBAA đã được triển khai tại trên 11 cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam với hơn 100 chương trình đào tạo được công nhận. Trong số này, một số cơ sở giáo dục đại học giữ vai trò chủ lực với số lượng chương trình kiểm định lớn và toàn diện, bao gồm cả kiểm định cấp chương trình và kiểm định cấp cơ sở giáo dục, điển hình như: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại

học VinUni.

Việc các cơ sở này tích cực tham gia kiểm định FIBAA không chỉ cho thấy định hướng hội nhập quốc tế rõ ràng, mà còn phản ánh nỗ lực nâng cao hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ và quản trị đại học theo chuẩn châu Âu. Đáng chú ý, Trường Đại học Văn Lang trở thành cơ sở tư thục đầu tiên được công nhận đạt kiểm định FIBAA ở cấp cơ sở giáo dục, cho thấy xu hướng mở rộng kiểm định quốc tế không còn giới hạn ở khối công lập.

Ngoài các đơn vị chủ lực, một số trường đại học khác cũng đã bước đầu tham gia kiểm định ở quy mô nhỏ hơn, chủ yếu tại cấp độ chương trình, góp phần mở rộng phạm vi áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong toàn hệ thống. Các chương trình được kiểm định chủ yếu thuộc nhóm ngành Kinh tế, Quản trị, Luật, Khoa học xã hội và thường được giảng dạy bằng tiếng Anh, phù hợp với các yêu cầu về chuyển đổi tín chỉ và công nhận văn bằng quốc tế.

Tuy nhiên, quá trình tiếp cận và triển khai kiểm định FIBAA vẫn đối mặt với một số thách thức như chi phí kiểm định cao, yêu cầu nghiêm ngặt về minh chứng, năng lực ngoại ngữ và kinh nghiệm xây dựng hệ thống tự đánh giá còn hạn chế tại nhiều trường. Dù vậy, những kết quả tích cực bước đầu cho thấy, kiểm định FIBAA đang dần trở thành một xu hướng chiến lược trong phát triển chất lượng giáo dục đại học Việt Nam, góp phần nâng cao uy tín học thuật và khả năng cạnh tranh của các cơ sở đào tạo trên trường quốc tế.

3.2.2. *Khó khăn và thách thức trong việc triển khai kiểm định FIBAA tại Việt Nam*

Mặc dù kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn FIBAA đã đạt được một số kết quả tích cực tại Việt Nam, quá trình triển khai vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn từ cả phía các cơ sở giáo dục đại học lẫn hành lang chính sách cấp quốc gia. Các thách thức này có thể được hệ thống hóa thành năm nhóm chính như sau:

Thứ nhất, hạn chế về năng lực thiết kế và vận hành chương trình theo chuẩn quốc tế. Tiêu chuẩn của FIBAA nhấn mạnh cách tiếp cận dựa trên năng lực (Competency-based), yêu cầu các chương trình đào tạo phải thể hiện rõ mối liên kết giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung học phần và phương pháp đánh giá (FIBAA, 2025a). Tuy nhiên, nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam hiện vẫn gặp khó khăn trong việc xây dựng ma trận chuẩn đầu ra - học phần, triển khai học tập theo hướng chủ động (active learning), vận hành hệ thống đánh giá dựa trên năng lực người học. Theo Nguyen và Shah (2019), đây là hệ quả của việc thiếu hụt nhân lực chuyên trách về đảm bảo chất lượng và kinh nghiệm tiếp cận các mô hình kiểm định quốc tế, đặc biệt ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập hoặc các cơ sở giáo dục địa phương.

Thứ hai, rào cản về ngôn ngữ và năng lực học thuật bằng tiếng Anh. Một trong những yêu cầu then chốt trong quy trình kiểm định FIBAA là toàn bộ hồ sơ tự đánh giá, minh chứng và các buổi phỏng vấn đều phải thực hiện bằng tiếng Anh với mức độ chính

xác học thuật cao (FIBAA, 2025b). Điều này gây áp lực lớn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên chưa có kỹ năng trình bày chuyên môn bằng tiếng Anh. Một số trường đã phải thuê ngoài dịch vụ dịch thuật, hiệu đính chuyên môn, dẫn đến chi phí tăng và tiềm ẩn rủi ro sai lệch nội dung. Hơn nữa, yêu cầu phỏng vấn trực tiếp bằng tiếng Anh với đoàn chuyên gia quốc tế cũng khiến quá trình kiểm định trở nên khó tiếp cận hơn đối với nhiều chương trình đào tạo bằng tiếng Việt.

Thứ ba, chi phí kiểm định cao vượt khả năng tài chính của nhiều cơ sở giáo dục. Chi phí để kiểm định một chương trình theo tiêu chuẩn FIBAA thường dao động từ 30.000 đến 50.000 euro, trong khi kiểm định cấp cơ sở có thể lên tới hơn 100.000 euro (Chasokela và Manokore, 2025). Chưa kể các chi phí phát sinh như thuê chuyên gia, đi lại, biên dịch và tổ chức đoàn đánh giá ngoài. Trong bối cảnh chưa có cơ chế hỗ trợ tài chính từ Nhà nước cho hoạt động kiểm định quốc tế, nhiều cơ sở giáo dục - đặc biệt là các cơ sở chưa tự chủ tài chính - còn e ngại và dè dặt trong việc triển khai.

Thứ tư, chính sách và hành lang pháp lý chưa theo kịp yêu cầu của kiểm định quốc tế. Dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công nhận FIBAA là tổ chức kiểm định quốc tế hợp pháp tại Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021) vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc công nhận kết quả kiểm định quốc tế tương đương với kiểm định trong nước. Việc thiếu các chính sách khuyến khích cụ thể như ưu tiên tuyển sinh, phân bổ ngân sách, hay hỗ trợ hợp tác quốc tế cho các trường đã đạt chuẩn FIBAA khiến động lực cải tiến theo hướng quốc tế hóa còn hạn chế.

Thứ năm, thiếu cơ chế duy trì và cải tiến sau kiểm định. Theo yêu cầu của FIBAA, các chương trình đã được công nhận cần liên tục cập nhật hồ sơ tự đánh giá, thực hiện cải tiến định kỳ và chuẩn bị cho chu kỳ tái kiểm định sau mỗi 5-7 năm (FIBAA, 2021). Tuy nhiên, trong thực tế, không ít cơ sở giáo dục sau khi đạt kiểm định lại thiếu hệ thống giám sát nội bộ hiệu quả, dẫn đến tình trạng “đạt rồi để đó” (Manarbek et al., 2018). Việc thiếu cơ chế nội bộ và thiếu ngân sách duy trì chất lượng là những nguyên nhân khiến việc cải tiến lâu dài không được đảm bảo.

Các thách thức nêu trên không chỉ xuất phát từ nội lực của các cơ sở giáo dục mà còn đến từ sự thiếu đồng bộ trong chính sách hỗ trợ kiểm định quốc tế tại Việt Nam. Để khắc phục, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan: các cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức kiểm định và cả các

đối tác quốc tế. Những hành động như hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng cơ chế công nhận kết quả kiểm định quốc tế, đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên trách và hỗ trợ tài chính là những yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả triển khai kiểm định FIBAA và thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế một cách bền vững.

4. Kết luận

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn FIBAA là một hướng tiếp cận hiệu quả trong quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam. Thực tiễn triển khai tại một số cơ sở giáo dục

cho thấy mô hình này góp phần chuẩn hóa chương trình, nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng và mở rộng hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, quá trình áp dụng vẫn gặp nhiều thách thức như chi phí cao, rào cản ngôn ngữ, thiếu nhân lực chuyên trách và chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ. Do đó, cần có chiến lược tổng thể từ trung ương đến cơ sở nhằm thúc đẩy kiểm định quốc tế phát triển bền vững. Trong thời gian tới, các nghiên cứu có thể tập trung vào đánh giá tác động của kiểm định đến chất lượng đào tạo, so sánh hiệu quả giữa các mô hình kiểm định quốc tế cũng như phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thành công ở từng loại hình cơ sở giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213005&classid=1>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Quyết định số 1940/QĐ-BGDĐT Công nhận hoạt động của Tổ chức Foundation for International Business Administration Accreditation (FIBAA) tại Viet Nam*. <https://moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=2964>. <http://ktdbcl.vlute.edu.vn/quyet-dinh-1940-qd-bgddt-ngay-16-6-2021-ve-cong-nhan-hoat-dong-cua-to-chuc-foundation-for-international-business-administration-accreditation-fibaa-tai-viet-nam/>
- Bộ Giáo dục và đào tạo. (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT: Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*. <https://vqa.moet.gov.vn/vi/laws/detail/Thong-tu-12-2017-TT-BGDĐT-ngay-19-thang-5-nam-2017-quy-dinh-ve-kiem-dinh-chat-luong-co-so-giao-duc-dai-hoc-12/>.
- Chasokela, D. & Manokore, K. (2025). Best Practices for Institutions in Conducting Self-Assessment for Accreditation. In M. Lytras & A. Şerban (Eds.), *Academic Accreditation and Evaluation in Higher Education: Practices, Experiences, and Quality Assurance*, 89–120. IGI Global Scientific Publishing. <https://doi.org/10.4018/979-8-3693-5608-1.ch004>.
- ENQA-ESG. (2015). *Standards and Guidelines for Quality Assurance in the European Higher Education Area*. Brussels. https://www.enqa.eu/wp-content/uploads/2015/11/ESG_2015.pdf.
- FIBAA. (2025a). *Assessment Guide: FIBAA Quality Seal for the Accreditation of Bachelor and Master Programmes*. https://www.fibaa.org/fileadmin/redakteur/pdf/PROG/2025_FIBAA_PROG_BA_MA_Assessment_Guide_final.pdf.
- FIBAA. (2025b). *FIBAA guidelines for HEIs: Self-evaluation Report (SER), Notes on Writing the SER, Appendices for the SER, Technical requirements: submission of the SER, Statement on the accreditation report by the HEI*. https://www.fibaa.org/fileadmin/redakteur/pdf/PROG/Handreichungen_und_Vorlagen/2025_FIBAA_SER_Guidelines.pdf.
- FIBAA. (2021). *Guidelines for the accreditation of programmes by FIBAA*. https://www.fibaa.org/fileadmin/redakteur/pdf/PROG/Handreichungen_und_Vorlagen/210428_Guidelines_PROG_FIBAA_EN.pdf.
- FIBAA. (n.d.). *FIBAA History*. <https://www.fibaa.org/en/30-jahre-fibaa/about-us/historie/>.
- Harvey, L., & Green, D. (1993). Defining Quality. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 18(1), 9–34. <https://doi.org/10.1080/0260293930180102>.
- Manarbek, G., Kondybaeva, S. & David C. (2018). The role of international accreditation in quality assurance of higher education. *Journal of Economic Research & Business Administration*, 123(1), 47–58. <https://be.kaznu.kz/index.php/math/article/view/1944>.
- Nguyen, H. C. & Shah, M. (2019). *Quality Assurance in Vietnamese Higher Education: Policy and Practice in the 21st Century*. Palgrave Macmillan Cham, <https://doi.org/10.1007/978-3-030-26859-6>.
- Nguyen, H. C. (2017). Impact of international accreditation on the emerging quality assurance system: The Vietnamese experience. *Contemporary Issues in Education Research*, 10(3), 213–222. <https://doi.org/10.18848/2327-798X/CGP/v17i03/1-9>.
- Quốc hội. (2018). *Luật số 34/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206102>.
- Woodhouse, D. (1999). Quality and internationalisation in higher education. In J. Knight & H. de Wit (Eds.), *Quality and internationalisation in higher education*, 29–44. Paris: The Organization for Economic co-operation and Development.